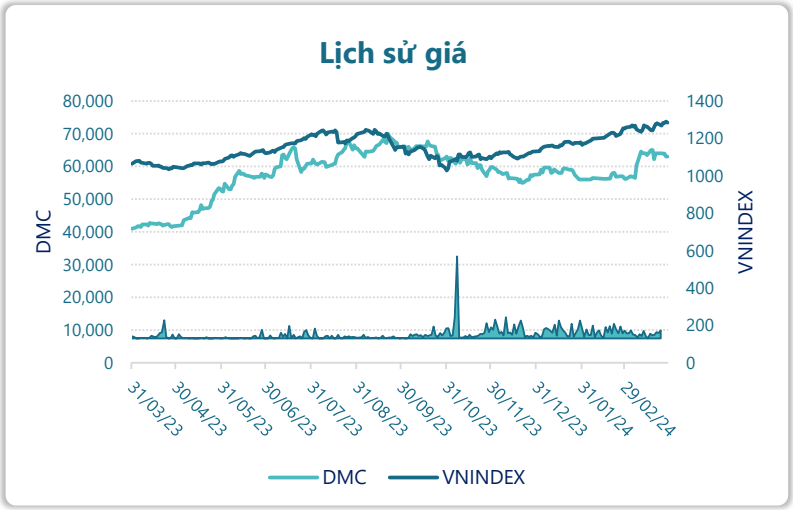
FireAnt

CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Domesco (HSX: DMC)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**63,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	70,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	40,973
SL cổ phiếu LH	34,727,465
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,255
% sở hữu nước ngoài	56.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,188
P/E	11.4
EPS	5,503

DT thuần

Q1/24

419

tỷ VNĐ

QoQ: ▼50.0| -10.6%

YoY: ▲ 14.0| 3.5%

LN sau thuế

Q1/24

41.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.8| -29.1%

YoY: ▲ 8.00| 24.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

13.3%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần

2023

1,719

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 126| 7.9%

LN sau thuế

2023

183

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.0| -8.4%

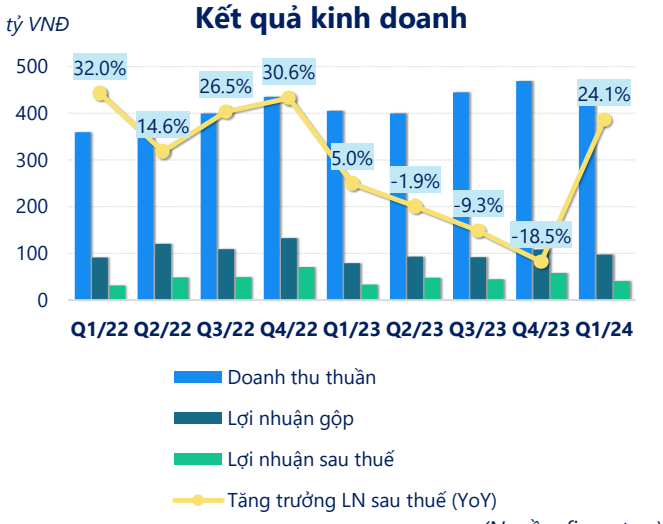
ROE

2023

12.3%

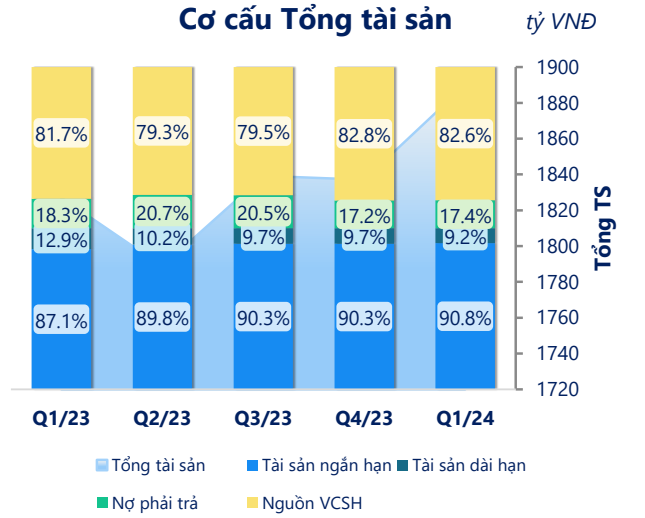
+/- YoY: ▼ 1.9%

Kết quả kinh doanh



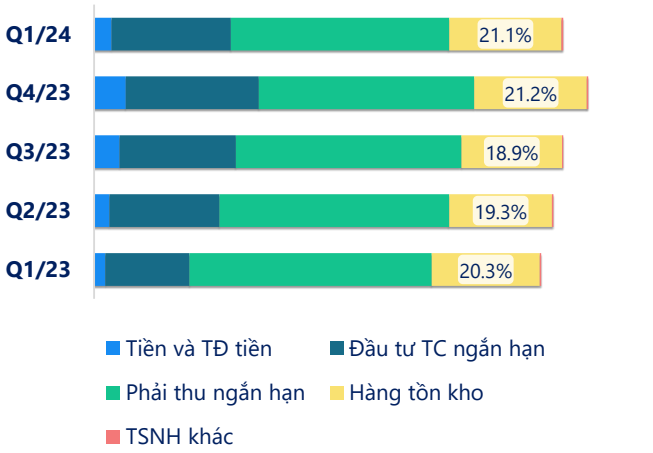
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



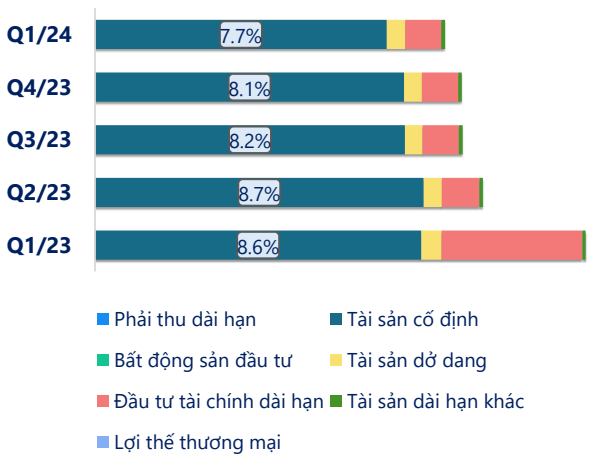
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



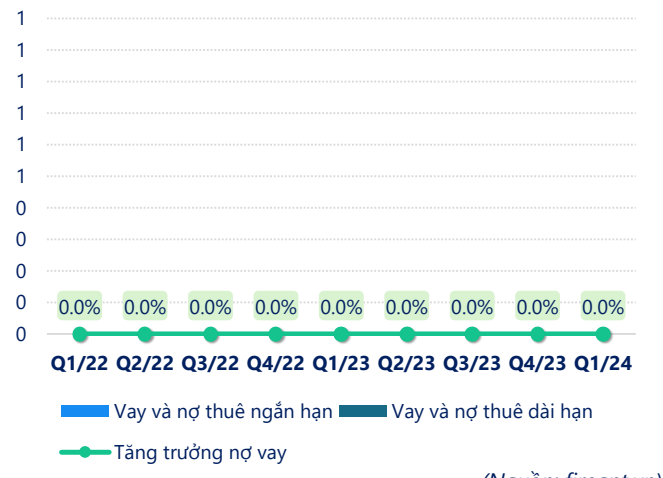
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



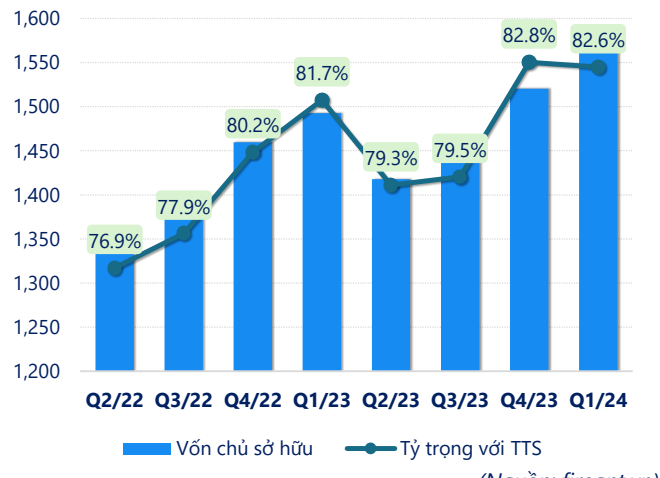
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



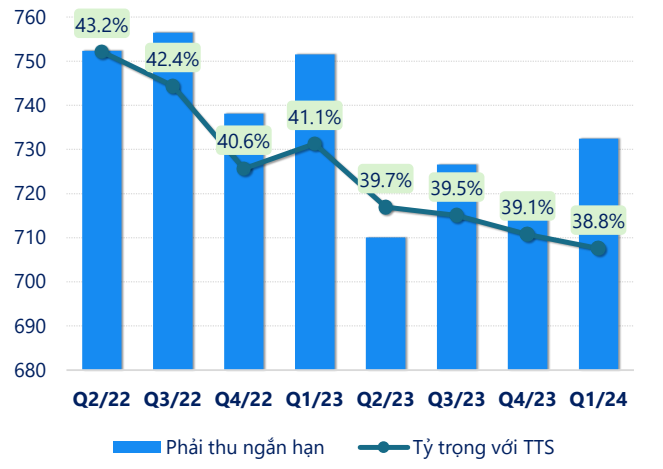
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



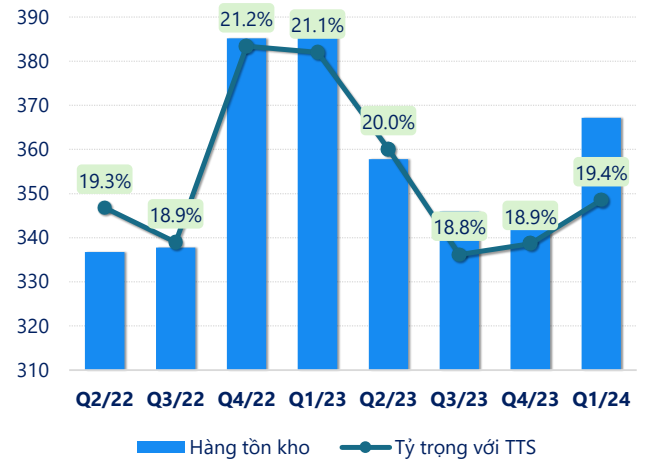
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



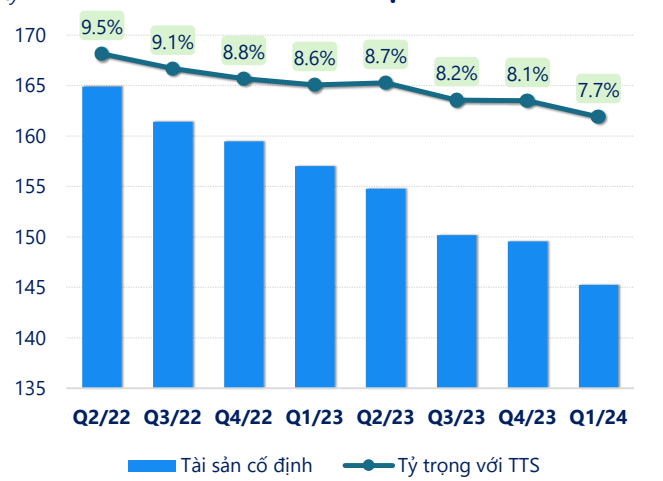
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



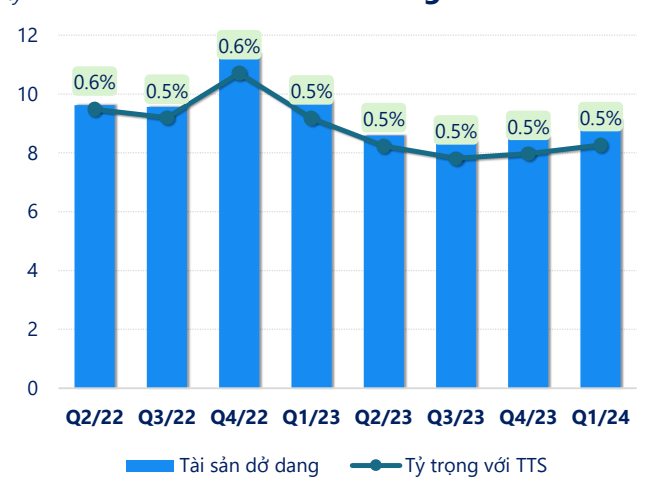
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



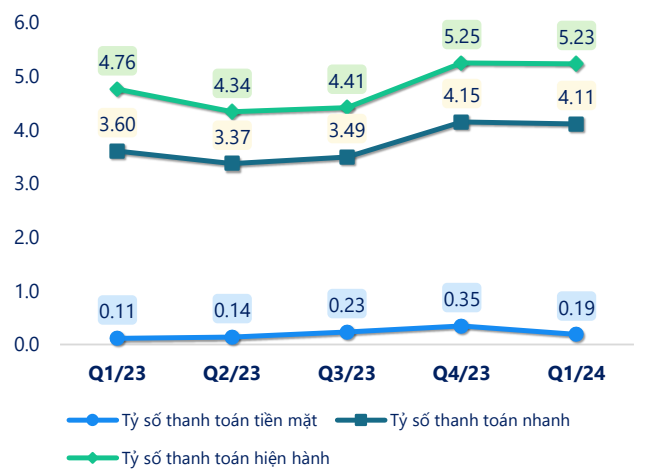
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



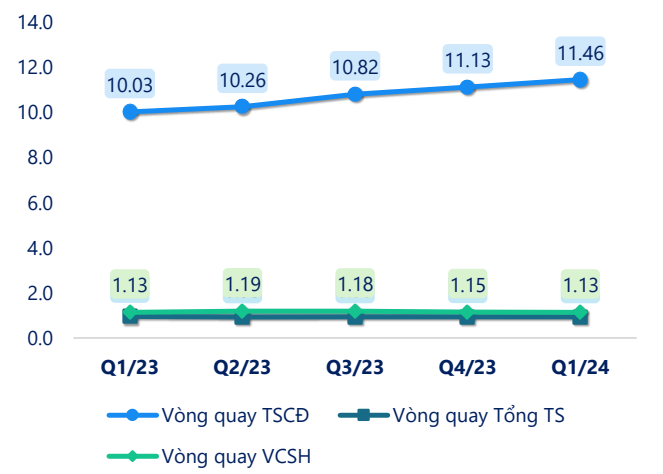
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,827**	**1,789**	**1,839**	**1,837**	**1,890**
Tài sản ngắn hạn	**1,591**	**1,606**	**1,661**	**1,660**	**1,716**
Tiền và tương đương tiền	38.3	52.0	87.8	109	61.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	410	480	495	480	550
Phải thu ngắn hạn	752	710	727	718	732
Hàng tồn kho	386	358	346	348	367
Tài sản ngắn hạn khác	5.80	6.18	5.84	4.73	4.59
Tài sản dài hạn	**236**	**183**	**178**	**177**	**174**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	157	155	150	150	145
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.78	8.59	8.38	8.54	9.11
Đầu tư tài chính dài hạn	67.6	17.6	17.6	17.6	17.9
Tài sản dài hạn khác	1.64	1.68	1.90	1.71	2.02
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**335**	**371**	**377**	**317**	**328**
Nợ ngắn hạn	**334**	**370**	**376**	**316**	**328**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	310	235	243	268	289
Nợ dài hạn	0.17	0.40	0.40	0.38	0.38
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,493**	**1,418**	**1,463**	**1,520**	**1,561**
Vốn chủ sở hữu	**1,493**	**1,418**	**1,463**	**1,520**	**1,561**
Vốn điều lệ	347	347	347	347	347
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)